

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 76/2018/HNGĐ-ST
Ngày 31 – 01 – 2018
Về việc: Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Như Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hiền.

2. Bà Cẩm Thị Đoạ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2017/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2017 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXX-ST ngày 16 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị T1 – Sinh năm 1987. Địa chỉ: Tiểu khu Z, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trọng C – Sinh năm 1987. Địa chỉ: Tiểu khu Z, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La, có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị V, đều trú tại địa chỉ: Tiểu khu 10, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La, đều có mặt.

+ Công ty C – Người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 08/01/2018: Ông Vũ Hồng K – Chức vụ: Phó giám đốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 22 tháng 11 năm 2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Hoàng Thị T1 trình bày.

Chị và anh Nguyễn Trọng C kết hôn với nhau vào ngày 01/4/2009. Khi kết hôn anh chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện M, Sơn La.

Sau khi kết hôn anh chị ra ở riêng. Cuộc sống chung vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình và chính quyền địa phương hoà giải nhưng không đạt kết quả. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị viết đơn đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trọng C.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thu H - Sinh ngày 06/01/2010. Nguyên vọng của chị sau khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu H đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh C phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Nghề nghiệp của chị hiện nay là trồng trọt, mức thu nhập trung bình một tháng khoảng 5.000.000đ đến 6.000.000đ.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống anh chị đã gây dựng được số tài sản chung cụ thể như sau:

- 01 nhà xây cấp 4 được xây trên diện tích đất khoảng 318m² tại Tiểu khu Z, thị trấn N, huyện M. Đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trị giá nhà và đất hiện nay là 450.000.000đ.

- Ngày 01/3/2011 gia đình chị đã ký hợp đồng giao khoán trồng chè với công ty C với diện tích là 4760m². Hợp đồng trồng chè đứng tên anh Nguyễn Trọng C, hai anh chị thỏa thuận giá trị cây chè tính theo đơn vị m² là 80.000.000đ/1000m², tổng là 4.760m² x 80.000.000đ/1000m² = 380.800.000đ.

Tổng giá trị tài sản chung là 830.800.000đ.

Nếu ly hôn nguyên vọng của chị xin được sử dụng nhà, giao cho anh C sử dụng 4760m² diện tích đất trồng chè và chị có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản chênh lệch nhà cho anh C. Trường hợp anh C có nguyên vọng xin sử dụng nhà và toàn bộ diện tích đất chè, chị đề nghị anh C phải thanh toán cho chị ½ giá trị tài sản chênh lệch.

Về vay nợ chung: Anh chị có vay của vợ chồng anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị V, trú tại: Tiểu khu 10, thị trấn M, huyện M số tiền 150.000.000đ. Nếu ly hôn mỗi người có trách nhiệm thanh toán ½ cho vợ chồng anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị V.

Bị đơn anh Nguyễn Trọng C trình bày:

Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung cũng như nguyên nhân mâu thuẫn anh hoàn toàn nhất trí như ý kiến trình bày của chị Hoàng Thị T1. Tuy nhiên anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh xin được đoàn tụ gia đình.

Trường hợp ly hôn về con chung anh C xin được nuôi dưỡng giáo dục cháu Nguyễn Thu H - Sinh ngày 06/01/2010 đến khi trưởng thành và không yêu cầu chị T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Nghề nghiệp của anh hiện nay là lắp điện nước, mức thu nhập trung bình một tháng khoảng 5.000.000đ đến 6.000.000đ.

Về tài sản chung: Anh nhất trí như lời khai của chị T, trường hợp ly hôn anh đề nghị Tòa án chia đôi tài sản chung.

Về vay nợ chung: Anh nhất trí như lời khai của chị T, trường hợp ly hôn cả hai anh chị đều sẽ có trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Đức T, chị Nguyễn Thị V mỗi người $\frac{1}{2}$ số nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T2 và chị Nguyễn Thị V trình bày:

Năm 2015 gia đình anh Tính, chị Vân có cho vợ chồng anh C chị T vay số tiền 150.000.000đ, không tính lãi xuất. Đến nay vợ chồng anh C chị T vẫn chưa thanh toán cho gia đình anh Tính, chị Vân. Nay anh C, chị T ly hôn, anh Tính, chị Vân đề nghị anh C, chị T cùng có trách nhiệm thanh toán cho gia đình anh Tính, chị Vân, mỗi người thanh toán $\frac{1}{2}$ số tiền đã vay.

Ý kiến trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đại diện Công ty C – Ông Vũ Hồng K.

Ngày 01/3/2011 Công ty C đã ký hợp đồng giao khoán trồng chè số 409/2011/CMC-HĐGK với anh Nguyễn Trọng C, trú tại Tiểu khu Z, thị trấn N, huyện M với diện tích đất giao khoán là 4760m², thời hạn sử dụng là 30 năm (Từ 01/3/2011 đến 01/3/2041), loại chè Shan, sản lượng giao khoán ổn định hàng năm là 5600kg chè.

Nay anh C, chị T ly hôn thì diện tích đất chè đã giao khoán không được chia đôi. Trường hợp anh C không còn nhu cầu sử dụng, muốn thay đổi hợp đồng đứng tên chị T, đề nghị anh C và chị T đến Công ty C để làm thủ tục chuyển đổi người đứng tên trong Hợp đồng, công ty sẽ xem xét theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a, đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2006/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Xử cho chị Hoàng Thị T1 và anh Nguyễn Trọng C ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thu H - Sinh ngày: 06/01/2010 cho chị Hoàng Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành

đủ 18 tuổi. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con đối với chị Nguyễn Trọng C.

- Về tài sản chung: Tạm giao cho anh Nguyễn Trọng C được sử dụng 01 nhà ống xây cấp 4, mái lợp tôn chống nóng và công trình phụ đang xây dựng cùng diện tích 283,7m² thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 127 tại Tiểu khu Z, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La, diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trị giá 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Giao cho chị Hoàng Thị T1 tiếp tục thực hiện Hợp đồng số 409/2011/CMC/HĐGK ngày 15/02/2011 về việc nhận trồng chè với C được sử dụng diện tích 4760m² đất chè tại Tiểu khu Z, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La, trị giá đồng chè là 380.800.000đ (Ba trăm tám mươi triệu đồng).

Anh Nguyễn Trọng C có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho chị Hoàng Thị T1 là 34.600.000đ.

- Về vay nợ chung: Buộc chị Hoàng Thị T1 có trách nhiệm trả cho vợ chồng anh Nguyễn Văn T2 và chị Nguyễn Thị V số tiền là 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng) vào ngày 30/6/2018.

Buộc anh Nguyễn Trọng C có trách nhiệm trả cho vợ chồng anh Nguyễn Văn T2 và chị Nguyễn Thị V số tiền là 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng) vào ngày 30/6/2018.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị T1 phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Trọng C và chị Hoàng Thị T1 phải chịu án phí tranh chấp tài sản có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay, Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty C ông Vũ Hồng K đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T1 và anh Nguyễn Trọng C có đăng ký kết hôn ngày 01/4/2009 tại UBND thị trấn N, huyện M. Việc kết hôn đã tuân thủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, do đó được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, hai anh chị đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2017 đến nay.

Tại các buổi hòa giải và tại phiên toà anh C xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, do đó anh không nhất trí ly hôn nhưng anh không có biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh với chính quyền địa phương nơi anh C, chị T sinh sống được biết. Quá trình chung sống vợ

chồng anh C, chị T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn của vợ chồng anh, chị cũng đã được chính quyền địa phương hòa giải nhưng không có kết quả, hiện nay hai anh chị đã sống ly thân, không ai đi lại thăm hỏi nhau.

Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh, chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Hoàng Thị T1 và xử cho chị Hoàng Thị T1 được ly hôn với anh Nguyễn Trọng C.

[3] Về con chung: Chị Hoàng Thị T1 và anh Nguyễn Trọng C đều có nguyện vọng xin được nuôi con chung sau khi ly hôn.

Xét thấy anh C và chị T hiện nay đều có thu nhập ổn định, việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sau khi ly hôn của hai anh chị đều đảm bảo cho sự phát triển bình thường về thể chất cũng như tinh thần của cháu Nguyễn Thu H, tại bản tự khai ngày 23/11/2017 cháu Hoài khai, trường hợp bố mẹ cháu ly hôn nguyện vọng của cháu xin được ở với bố Nguyễn Trọng C theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, tại phiên tòa cháu Nguyễn Thu H thay đổi ý kiến, nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ Hoàng Thị T1. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình cần giao cháu Nguyễn Thu H cho chị Hoàng Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Về đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Tại phiên tòa chị T không yêu cầu anh C phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, xét là tự nguyện cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Tại các buổi hòa giải anh C và chị T chỉ thống nhất được với nhau về giá trị tài sản, hai anh chị không thỏa thuận được với nhau về việc phân chia tài sản chung.

Để có căn cứ giải quyết vụ kiện Tòa án đã Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ đất và nhà anh chị đang ở.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/12/2017 thì diện tích đất tại Tiểu khu Z, thị trấn N, huyện M của gia đình anh C, chị T hiện nay có tổng diện tích là 283,7m² thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 127. Trên đất có 01 nhà ống xây cấp 4, mái lợp tôn chống nóng và công trình phụ đang xây dựng, diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với diện tích 4760m² đất chè, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa cả hai anh chị đều thống nhất giá trị diện tích 4760m² đất chè là 380.800.000đ.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Trọng C anh xin được sử dụng nhà cùng toàn bộ diện tích đất trị giá 450.000.000đ, diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh C có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho chị T và giao cho chị T được sử dụng diện tích 4760m² đất chè trị giá 380.800.000đ, chị T hoàn toàn nhất trí. Do đó cần tạm giao cho anh C được sử dụng 01 nhà cùng toàn bộ diện tích đất 283,7m² thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 127 tại Tiểu khu Z, thị trấn N, huyện M và giao cho chị T được sử dụng

4.760m² diện tích đất chè trị giá 380.800.000đ tại Tiểu khu Z, thị trấn N, huyện M.

Anh C có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho chị Hoàng Thị T1.

[5] Về vay nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh C và chị T thỏa thuận mỗi người sẽ có trách nhiệm thanh toán cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T2 và chị Nguyễn Thị V $\frac{1}{2}$ số tiền đã vay là 75.000.000đ, anh Tính và chị Vân nhất trí.

Tại phiên tòa chị T1, anh C và vợ chồng anh chị V T2 thống nhất thỏa thuận chị T1 và anh C mỗi người có trách nhiệm thanh toán số tiền 75.000.000đ cho vợ chồng anh T2, chị V vào ngày 30/6/2018.

Như vậy trừ đi số nợ là 150.000.000đ trong tổng số tài sản chung của vợ chồng là 830.800.000đ, thì thực tế anh tài sản của anh chị còn lại có trị giá là 680.800.000đ, nên hai chị Hoàng Thị T1 và anh Nguyễn Trọng C phải chịu án phí tranh chấp tài sản là 680.800.000đ (Sáu trăm, tám mươi triệu, tám trăm ngàn đồng).

Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chị Hoàng Thị T1 đã nộp đủ và không yêu cầu anh C phải chịu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Hoàng Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị T1 và bị đơn anh Nguyễn Trọng C tự thỏa thuận với nhau về việc phân chia tài sản chung nên anh C và chị T1 phải chịu án phí tranh chấp tài sản có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2, 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a, đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2006/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Xử cho chị Hoàng Thị T1 và anh Nguyễn Trọng C được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thu H - Sinh ngày: 06/01/2010 cho chị Hoàng Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh Nguyễn Trọng C.

Không ai được cản trở việc trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung: Tạm giao cho anh Nguyễn Trọng C được sử dụng 01 nhà ống xây cấp 4, mái lợp tôn chống nóng và công trình phụ đang xây dựng cùng diện tích 283,7m² thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 127 tại Tiểu khu Z, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La. Đất có vị trí cụ thể như sau: Phía Bắc: Từ mốc 1 đến mốc 2 rộng 6m giáp đường bê tông xóm. Phía Đông giáp nhà Trang Tính có các mốc: Từ mốc 2 đến mốc 3 dài 30,2m, từ mốc 3 đến mốc 4 dài 19,4m. Phía

Nam từ mốc 4 đến mốc 5 rộng 5,7m giáp hồ Công ty Chè Mộc Châu. Phía Tây giáp nhà ông bà Khôi Huệ có các mốc: Từ mốc 5 đến mốc 6 dài 22m, từ mốc 6 đến mốc 7 dài 1,7m, từ mốc 7 đến mốc 8 dài 1,9m, từ mốc 8 đến mốc 9 dài 9m, từ mốc 9 đến mốc 1 dài 14,2m. Trị giá nhà và đất là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(Có sơ đồ khu đất kèm theo).

Giao cho chị Hoàng Thị T1 được tiếp tục thực hiện Hợp đồng sử dụng diện tích 4760m² đất chè theo hợp đồng giao khoán trồng chè số 409/2011/CMC-HĐGK lập ngày 01/3/2011 với Công ty C nay là VN C, diện tích đất Chè tại Tiểu khu Z, thị trấn N, huyện M, thời hạn sử dụng là 30 năm (Từ 01/3/2011 đến 01/3/2041).

Buộc anh Nguyễn Trọng C phải thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho chị Hoàng Thị T1 là 34.600.000đ (Ba tư triệu, sáu trăm ngàn đồng).

4. Anh Nguyễn Trọng C và chị Hoàng Thị T1 cùng có trách nhiệm đến Công ty chè Mộc Châu nay là Công ty C nay là VN C để làm thủ tục thay đổi tên trong Hợp đồng giao khoán trồng chè số 409/2011/CMC-HĐGK lập ngày 01/3/2011 với theo quy định.

5. Về vay nợ chung:

Buộc chị Hoàng Thị T1 có trách nhiệm trả cho vợ chồng anh Nguyễn Văn T2 và chị Nguyễn Thị V số tiền là 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng). Thời hạn thanh toán vào ngày 30/6/2018.

Buộc anh Nguyễn Trọng C có trách nhiệm trả cho vợ chồng anh Nguyễn Văn T2 và chị Nguyễn Thị V số tiền là 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng). Thời hạn thanh toán vào ngày 30/6/2018.

6. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chị Hoàng Thị T1 đã nộp đủ.

7. Về án phí: Chị Hoàng Thị T1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 15.616.000đ (Mười lăm triệu, sáu trăm mười sáu nghìn đồng) tiền án phí tranh chấp tài sản có giá ngạch được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 03835 ngày 22/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Chị Hoàng Thị T1 phải nộp tiếp số tiền 15.616.000đ (Mười lăm triệu, sáu trăm mười sáu nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Anh C phải chịu 15.616.000đ (Mười lăm triệu, sáu trăm mười sáu nghìn đồng) tiền án phí tranh chấp tài sản có giá ngạch nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

“ Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền: Thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKS nhân dân huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn N, huyện M;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đỗ Như Khánh